

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc diện miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

Điều 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà được xác định như sau:

Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ (đồng)	=	Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (m ²)	x	Giá 01 (một) mét vuông nhà (đồng/m ²)	x	Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ
---	---	--	---	---	---	---

1. Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Giá 01 (một) mét vuông nhà là giá thực tế xây dựng “mới” một (01) mét vuông sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

3. Chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ:

a) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ:

TT	Cấp loại nhà ở và Mã hiệu	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)		Nhà cấp IV (%)
		ĐB (nhà trên 7 tầng)	ĐB (nhà từ 5 - 7 tầng hoặc biệt thự)	KC B1 KC B2 KC B3 KC A1 KC A2 KC A3 KC A4	Bkc A1 Bkc A2 Bkc A3 KC C1 KC C2 KC C3
1.	Dưới 5 năm	95	90	85	80
2.	Từ 5 năm đến 10 năm	90	85	75	60
3.	Trên 10 năm đến 15 năm	85	80	70	45
4.	Trên 15 năm đến 20 năm	80	75	55	30
5.	Trên 20 năm đến 30 năm	70	60	40	
6.	Trên 30 năm đến 40 năm	60	45	35	
7.	Trên 40 năm đến 50 năm	50	35	30	
8.	Trên 50 năm đến 70 năm	40	30		
9.	Trên 70 năm đến 85 năm	35			
10.	Trên 85 năm	30			

b) Cấp loại nhà và mã hiệu quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Bảng đơn giá xây dựng nhà ở và vật kiến trúc thông dụng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

c) Thời gian sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ;

d) Trường hợp không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trên hiện trạng nhà chịu lệ phí trước bạ;

đ) Trường hợp nhà đã hết giá trị khấu hao, nhưng còn sử dụng được hoặc tỷ lệ chất lượng còn lại thấp hơn tỷ lệ thu phí trước bạ thấp nhất thì tính theo tỷ

lệ (%) chất lượng còn lại thấp nhất.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

2. Quyết định này bãi bỏ:

a) Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

b) Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi điểm b, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Khi các văn bản quy định về mức giá, cấp loại nhà và mã hiệu nhà ở dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- VP: LĐVP,
- Các phòng NC, Phòng KT (Tâm),
Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh,
Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Tú).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ch*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng